TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1052/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu K, sinh ngày 25/10/1980; CCCD: 079180028836; Địa chỉ: 3 ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh ngày 14/4/1978; CCCD: 075078002728; Địa chỉ: 3 ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20/8/2025 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu K trình bày:

Bà Phạm Thị Thu K và ông Trần Xuân T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, Quyển số 01/2008 ngày 28/3/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C (nay là xã A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm dần phai nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nhận thấy

tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Xuân H, sinh ngày 02/02/2009 và Trần Bảo N, sinh ngày 08/12/2014. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 trẻ, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 03/12/2025 Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu K có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/12/2025 trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Trần Xuân T, yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên Trần Xuân H và Trần Bảo N và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và các bên không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Xuân T xử vắng mặt, không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu K khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Xuân T có nơi cư trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 42, Quyển số 01/2008 ngày 28/3/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C (nay là xã A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu K và ông Trần Xuân T là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông T phát sinh mâu thuẫn mà theo bà K trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm dần phai nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà K xác định không còn tình cảm với ông T, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà K có có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông T và bà K đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung:

Ông T và bà K có 02 con chung chưa thành niên tên Trần Xuân H và Trần Bảo N. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 trẻ, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung.

Xét 02 trẻ Trần Xuân H và Trần Bảo N đang sống chung với bà K, tránh ảnh hưởng đến việc học tập và sự phát triển toàn diện cho 02 trẻ cần giao cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà K không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu K về việc "Ly hôn".

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu K được ly hôn với ông Trần Xuân T.

1.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Xuân H, sinh ngày 02/02/2009 và Trần Bảo N, sinh ngày 08/12/2014.

+ Ông T có trách nhiệm giao cả 02 trẻ Trần Xuân H và Trần Bảo N cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cho ông T do các bên không yêu cầu.

+ Bà K có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông T đến thăm con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0028846 ngày 21/10/2025 của Thi

hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM (KV8);
- UBND xã An Nhơn Tây, TP.HCM (GCNKH số 42, Quyển số 01/2008 ngày 28/3/2008 của UBND xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Phước Lý